

Số: /QĐ-UBND

Cát Hải, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn
trên địa bàn đặc khu Cát Hải**

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế về quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số; Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế về quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu và Giám đốc Trung tâm Y tế Cát Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đối với 58 cộng tác viên dân số và 19 nhân viên y tế thôn hoạt động tại các thôn trên địa bàn đặc khu Cát Hải, cụ thể như sau:

(Có phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Quyền lợi, chức năng, nhiệm vụ

- Cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng từ ngày 01/7/2025.

- Cộng tác viên dân số thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế và các văn bản quy định hiện hành.

- Nhân viên y tế thôn thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND đặc khu, Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Giám đốc Trung tâm Y tế Cát Hải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế HP;
- Thường trực Đảng ủy đặc khu;
- Thường trực HĐND đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VH-XH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Viết Điện

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CỘNG TÁC VIÊN DÂN SỐ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND đặc khu)

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa bàn phụ trách
1	Nguyễn Thị Thủy	1971	Thôn 1 Cát Bà
2	Đoàn Thị Quân	1960	Thôn 2 Cát Bà
3	Trần Thị Nữ	1963	Thôn 3 Cát Bà
4	Phạm Thị Nhung	1974	Thôn 4 Cát Bà
5	Nguyễn Thị Thu	1961	Thôn 5 Cát Bà
6	Nguyễn Thị Bình	1973	Thôn 6 Cát Bà
7	Trần Thị Loan	1964	Thôn 7 Cát Bà
8	Trần Thị Hồng	1977	Thôn 8 Cát Bà
9	Hoàng Thị Ân	1959	Thôn 9 Cát Bà
10	Nguyễn Thị Thanh Loan	1978	Thôn 10 Cát Bà
11	Phạm Văn Tuyển	1968	Thôn 11 Cát Bà
12	Võ Thị Thanh	1969	Thôn 12 Cát Bà
13	Vũ Thị Tiến	1960	Thôn 13 Cát Bà
14	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	1985	Thôn 14 Cát Bà
15	Ngô Thanh Hoa	1981	Thôn 15 Cát Bà
16	Lê Thị Bích Liên	1974	Thôn 16 Cát Bà
17	Lê Thị The	1954	Thôn 17 Cát Bà
18	Đỗ Thị Thủy Nhân	1974	Thôn 18 Cát Bà
19	Vũ Thị Thảo	1964	Thôn Hùng Sơn
20	Tô Thị Sai	1960	Thôn Hải Lộc
21	Nguyễn Thị Thủy	1960	Thôn Tiến Lộc
22	Nguyễn Thúy Hằng	1964	Thôn Hòa Hy
23	Nguyễn Thị Thanh	1956	Thôn Đôn Lương
24	Nguyễn Thị Nắng	1957	Thôn Lục Độ
25	Nguyễn Thị Đăng	1963	Thôn Lương Năng
26	Đặng Thị Hồng Anh	1992	Thôn Văn Chấn
27	Chu Thị Phòng	1960	Thôn Phong Niên
28	Phạm Thị Hương	1969	Thôn Trung Lâm
29	Nguyễn Thị Diễm	1970	Thôn Minh Tân
30	Lê Thị Nam	1973	Thôn Minh Hồng
31	Nguyễn Thị Tới	1965	Thôn Ninh Tiếp
32	Hoàng Thị Thanh	1967	Thôn Giữa

33	Vũ Thị Hồng Hạnh	1980	Thôn Trên
34	Trần Thị Loan	1965	Thôn Đình
35	Nguyễn Thị Hoài	1965	Thôn Dưới
36	Nguyễn Thị Dịu	1964	Thôn Chấn
37	Tô Thị Quỳnh	1965	Thôn Đoài
38	Bùi Thị Liên	1972	Thôn Trung
39	Nguyễn Thị Kiểm	1965	Thôn Bắc
40	Phạm Thị Xuyên	1984	Thôn Ngoài
41	Bùi Thị Lự	1988	Thôn Nam
42	Hà Thị Mai Linh	1996	Thôn Ao Cối
43	Nguyễn Thị Nhàn	1975	Thôn 2 Hiền Hào
44	Trần Thị Anh	1992	Thôn 1 Hiền Hào
45	Vũ Thị Hái	1977	Thôn 1 Gia Luận
46	Vũ Thị Chân	1975	Thôn 2 Gia Luận
47	Hoàng Thị Mơ	1980	Thôn 1 Xuân Đám
48	Đặng Thị Thanh Nga	1988	Thôn 2 Xuân Đám
49	Lê Thị Hiền	1964	Thôn 3 Xuân Đám
50	Nguyễn Thị Lấn	1968	Thôn 4 Xuân Đám
51	Vũ Thị Miến	1974	Thôn Liên Minh
52	Nguyễn Thị Luyến	1971	Thôn Minh Châu
53	Nguyễn Thị Ga	1969	Thôn Liên Hòa
54	Lê Thị Thu Hà	1973	Thôn Bến
55	Nguyễn Thị Vân	1990	Thôn Phú Cường
56	Nguyễn Thị Thảo	1973	Thôn Hải Sơn
57	Nguyễn Thị Thủy	1992	Thôn 1 Việt Hải
58	Đàm Thị Thanh	1992	Thôn 2 Việt Hải

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của UBND đặc khu)

STT	Họ tên	Năm sinh	Địa bàn phụ trách
1	Lương Thị Tuấn Anh	1980	Thôn Văn Chấn
2	Phạm Thị Toàn	1950	Thôn Phong Niên
3	Lại Thị Huệ	1971	Thôn Trung Lâm
4	Lê Thị Bích Vượng	1971	Thôn Minh Tân
5	Nguyễn Thị Lan	1968	Thôn Minh Hồng
6	Phạm Thị Nhị	1974	Thôn Ninh Tiếp
7	Hoàng Thị Thanh	1967	Thôn Trên
8	Đoàn Thị Huế	1971	Thôn Đình
9	Phạm Thị Minh	1964	Thôn Giữa
10	Nguyễn Thị Sợi	1959	Thôn Dưới
11	Nguyễn Thị Tươi	1988	Thôn Ao Cối
12	Nghiêm Thị Huệ	1982	Thôn Ngoài
13	Bùi Thị Thanh Loan	1993	Thôn Nam
14	Nguyễn Thị Kiềm	1965	Thôn Bắc
15	Nguyễn Thị Bích	1955	Thôn 1 Gia Luận
16	Nguyễn Thị Thảo	1968	Thôn 2 Gia Luận
17	Nguyễn Thị Lân	1968	Thôn 4 Xuân Đám
18	Phạm Thị Hạnh	1960	Thôn 1 Xuân Đám
19	Nguyễn Thị Hiền	1970	Thôn 2 Xuân Đám